Sàn 9m

...AO THÔNG VẬN TẢI
...NG KIỂM VIỆT NAM
...TRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER
Số (Nº):22KOT/302577

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU

(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported motor vehicle)

Tình trạng phương tiện *(Vehicle's status)*: **Chưa qua sử dụng**
Người nhập khẩu *(Importer)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ 36**
Địa chỉ *(Address)*: **Nhà số 2 ngõ 74/40/6 đường Thượng Thanh, tổ 11, phường Thượng Thanh, Q. Long Biên, TP.Hà Nội**
Loại phương tiện *(Vehicle's type)*: **Sơ mi rơ moóc tải chở container**
Nhãn hiệu *(Trade mark)*: **KAILE** Mã kiểu loại *(Model code)*: **---**
Tên thương mại *(Commercial name)*: **AKL9401PA**
Số khung *(Chassis Nº)*: **LF59DPD30N0P01825** Số động cơ *(Engine Nº)*:
Nước sản xuất *(Production country)*: **CHINA** Năm sản xuất *(Production year)*: **2022**
Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày *(Customs declaration Nº/date)*: **104926029830 / 23/08/2022**
Số biên bản kiểm tra *(Inspection record Nº)*: **005005/22OT-069/002**
Thời gian/Địa điểm kiểm tra *(Inspection date/site)*: **07/09/2022 / Thành phố Hà Nội**
Số đăng ký kiểm tra *(Registered Nº for inspection)*: **005005/22OT**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)

Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:	**5300**	kg
Khối lượng hàng chuyên chở TK lớn nhất/cho phép lớn nhất *(Max. cargo pay mass: Designed/Authorized)*:	**34690/31600**	kg
Khối lượng toàn bộ TK lớn nhất/cho phép lớn nhất *(Max. total mass: Designed/Authorized)*:	**39990/36900**	kg
Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông phân bố lên chốt kéo *(Authorized Total mass on kingpin)*:	**14400**	kg
Kích thước bao : Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)*:	**9000 x 2500 x 1550**	mm
Công thức bánh xe *(Drive configuration)*:	**6 x 0**	
Khoảng cách trục *(Wheel space)*:	**4530 + 1310 + 1310**	mm
Vết bánh xe trước *(Front track)*: / Vết bánh xe sau *(Rear track)*:	**1840**	mm

Lốp xe *(Tyres)*: - Trục 1 *(Axle 1st)*: - Trục 2 *(Axle 2nd)*: **04 Lốp; 12R22.5**
- Trục 3 *(Axle 3rd)*: **04 Lốp; 12R22.5** - Trục 4 *(Axle 4th)*: **04 Lốp; 12R22.5**

Thiết bị đặc trưng *(Special equipment)*: **Cơ cấu chốt khóa Container**

Xe cơ giới đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 và Thông tư số 55/2014/TT-BGTVT ngày 20/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

This motor vehicle has been inspected and satisfied with requirements of the Circular Nº 31/2011/TT-BGTVT to be issued on April 15th, 2011 and Circular Nº 55/2014/TT-BGTVT to be issued on October 20th, 2014 by Minister of Ministry of Transport.

(Date) Hà Nội, ngày 13 tháng 09 năm 2022

Cơ quan kiểm tra
(Inspection body)
TL. CỤC TRƯỞNG
QUYỀN TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI

Ký bởi: Cục Đăng kiểm Việt Nam
Email: vr@vr.org.vn
Cơ quan: Bộ Giao thông vận tải
Thời gian: 13/09/2022 08:29:36

Trần Hoàng Phong

Ký bởi: Trần Hoàng Phong
Email: phong.tranhoang.vr@mt.gov.vn
Cơ quan: Cục Đăng kiểm Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải
Thời gian: 13/09/2022 08:29:35

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp v.v...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...